

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số 45/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ về Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 132/TTr-KHCN ngày 18 tháng 12 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số 45/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai:

1. Khoản 1 Điều 7 được sửa đổi như sau:

“1. Trước ngày 30 tháng 4 hàng năm căn cứ vào mục tiêu, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và theo tính cấp thiết, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo trên Cổng thông tin điện tử Sở Khoa học và Công nghệ”

nghệ tỉnh Lào Cai về định hướng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ ưu tiên của tỉnh để các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh gửi đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.”

2. Điểm a Khoản 2 Điều 10 được sửa đổi như sau:

“a) Có trình độ đại học trở lên đối với chủ nhiệm đề tài; Có trình độ cao đẳng trở lên đối với chủ nhiệm dự án;”

3. Khoản 2 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được đánh giá, chấm điểm tối đa 100 điểm theo các nhóm, tiêu chí và thang điểm sau:

a) Đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh thuộc lĩnh vực khoa học xã hội - nhân văn và đề án khoa học cấp tỉnh:

STT	Tiêu chí	Thang điểm (điểm tối đa)
1	Tổng quan tình hình nghiên cứu	12
2	Nội dung và hoạt động hỗ trợ nghiên cứu	12
3	Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu	12
4	Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện	20
5	Sản phẩm khoa học, lợi ích kết quả của đề tài và phương án chuyển giao sản phẩm, kết quả nghiên cứu	24
6	Năng lực của tổ chức và cá nhân thực hiện	20

b) Đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh thuộc các lĩnh vực: khoa học tự nhiên, khoa học nông nghiệp, khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học y dược.

STT	Tiêu chí	Thang điểm (điểm tối đa)
1	Tổng quan tình hình nghiên cứu	12
2	Nội dung, nhân lực thực hiện các nội dung, phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng	24
3	Sản phẩm khoa học và công nghệ	16
4	Phương án chuyển giao ứng dụng các sản phẩm và phương án tổ chức để triển khai ứng dụng sản phẩm	16
5	Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện	16

6	Năng lực của tổ chức và các cá nhân thực hiện	16
---	---	----

c) Đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh trong các lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ khác, tùy thuộc vào nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ Hội đồng Tư vấn khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định áp dụng nhóm tiêu chí và thang điểm quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản này để đánh giá, chấm điểm.

d) Dự án sản xuất thử nghiệm:

STT	Tiêu chí	Thang điểm (điểm tối đa)
1	Tổng quan về các vấn đề công nghệ và thị trường của dự án	8
2	Nội dung và phương án triển khai	24
3	Tính mới và tính khả thi của công nghệ	12
4	Khả năng phát triển và hiệu quả kinh tế-xã hội dự kiến của dự án	16
5	Phương án tài chính	24
6	Năng lực của tổ chức và các cá nhân thực hiện	16

e) Chương trình khoa học và công nghệ và dự án khoa học và công nghệ: Tiêu chí và thang điểm đánh giá hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp được thực hiện theo quy định của Chương trình khoa học và công nghệ và dự án khoa học và công nghệ tương ứng của Bộ Khoa học và Công nghệ.”

4. Điểm b Khoản 1 Điều 13 được sửa đổi như sau:

“b) 01 thành viên là Lãnh đạo Sở Tài chính - Tổ phó;”

5. Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 15. Ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ký kết Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ với tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh.

2. Mẫu Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ thực hiện theo mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ ban hành kèm theo Thông tư số 05/2014/TT-BKHHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”.

6. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 45 như sau:

“1. Nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở bao gồm: Nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ (nếu có), nguồn chi thường xuyên của đơn vị cấp cơ sở, nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật

(trong đó ngân sách cấp huyện không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ. Ngân sách cấp huyện được chi cho nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao công nghệ).

Điều 2. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 02 năm 2021.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Văn phòng chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT.TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản QPPL);
- UBMTTQVN và các Đoàn thể tỉnh;
- Như Khoản 2 Điều 2 QĐ;
- Văn phòng: Tỉnh Ủy, HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công báo tỉnh Lào Cai;
- Báo Lào Cai; Đài PT-TH tỉnh;
- Công TT-ĐT tỉnh;
- Lãnh đạo VP;
- Các chuyên viên;
- Lưu: VT, TH3, VX2

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Giàng Thị Dung